

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 29/3/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Bé Em
2. Bà Trần Lệ Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Văn Nhân, kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Sâm Chung D**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: số N6 Phạm Ngọc Thảo, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Trần Tuyết Nhi**, sinh năm: 1998

Địa chỉ: 83 Hàm Nghi, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Luật sư Hồ Văn Ta, là luật sư tại Công ty TNHH Kim Long chi nhánh Rạch Giá, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang.

+ Luật sư Ngô Văn Hải, là luật sư tại Công ty luật TNHH Kim Long chi nhánh Rạch Giá, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

-Bị đơn: Ông **Dương Nguyễn Chiêu C**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: số A6-18 đường số 12, KĐT Tây Bắc, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

HKTT: 418/14 Bình Nhựt, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

(Bà Nhi, ông C và luật sư Hồ Văn Ta có mặt tại phiên tòa; luật sư Ngô Văn Hải có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trần Tuyết Nhi trình bày:**

Ngày 26/01/2022 ông D có bán cho ông Dương Nguyễn Chiêu Cường 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI 6Z150 biển số 68P1-12659 loại xe 02 bánh với số tiền 40.000.000 đồng theo hình thức trả góp, thời hạn trả góp là 13 tháng, mỗi tháng góp 3.000.000 đồng, bắt đầu góp từ ngày 09/2/2022. Ông C đã góp được 6.000.000 đồng thì ngưng không góp nữa.

Vào ngày 06/02/2022 ông Dương Nguyễn Chiêu C có vay ông D số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền và có người làm chứng. Đến ngày 06/3/2022 ông C có vay thêm 50 triệu đồng. Tổng cộng số tiền vay là 100.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận của hai bên hàng tháng. Ông C chỉ trả góp được 03 tháng với số tiền tương ứng 8.500.000 đồng tiền vốn và 1.500.000 đồng tiền lãi (nay ông D tính vào tiền vốn cho ông D).

Do ông C không thực hiện nghĩa vụ trả góp, lãi theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của của ông D được pháp luật bảo vệ.

Nay ông D yêu cầu ông C phải trả số tiền nợ vay 90 triệu đồng và tiền mua xe là 34 triệu đồng.

Ngày 17/01/2024 ông D có đơn khởi kiện bổ sung:

Yêu cầu ông C trả số tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ mua xe tính từ ngày 27/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 17/01/2024 là 34.000.000 đồng x 10%/năm x 21 tháng 21 ngày = 6.148.333 đồng.

Yêu cầu ông C trả tiền lãi đối với khoản vay 90.000.000 đồng theo quy định pháp luật tính từ ngày 06/3/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Số tiền lãi tạm tính đến ngày 17/01/2024 là 90.000.000 đồng x 20%/năm x 22 tháng 12 ngày = 33.600.000 đồng.

Tại phiên tòa Trần Tuyết Nhi có ý kiến:

Yêu cầu ông Dương Nguyễn Chiêu C trả ông Sầm Chung D số tiền nợ mua bán xe là 34.000.000 đồng cùng tiền lãi chậm trả tính từ ngày 27/4/2024 đến ngày 29/3/2024, lãi suất 10%/năm là: 6.545.000 đồng, tổng cộng 40.545.000 đồng.

Yêu cầu ông Dương Nguyễn Chiêu C trả ông Sầm Chung D số tiền nợ vay 90.000.000 đồng cùng tiền lãi chậm trả tính từ ngày 06/3/2022 đến ngày 29/3/2024 (24 tháng 23 ngày) x lãi suất 20%/năm là: 37.150.000 đồng, tổng cộng 127.150.000 đồng.

Khoản nợ này là nợ riêng của ông C nên ông D chỉ yêu cầu trách nhiệm của cá nhân ông D vì không liên quan đến ai khác.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Hồ Văn Ta và luật sư Ngô Văn Hải có ý kiến:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp nên đề nghị HĐXX chấp nhận vì: số tiền ông C đã đóng ông D tự nguyện trừ vào tiền nợ gốc có lợi cho ông C và ông D cũng chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật nên thấp hơn lãi suất thỏa thuận. Hợp đồng vay và mua bán tài sản hai bên giao kết tự nguyện nên ông C vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì ông D khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 430, 466, 468 Bộ luật dân sự.

*** Bị đơn ông Dương Nguyễn Chiêu C trình bày:**

Vào ngày 26/01/2022 tôi có mua chiếc xe mô tô hiệu Suzuki biển số 68P-12695, giá anh D bán cho tôi là 43 triệu, trả theo hàng tháng 3 triệu cho đến khi dứt điếm. Tôi đã đóng được 06 lần x 3 triệu = 18 triệu tiền xe rồi ngưng. Tôi mua xe để làm phương tiện đi lại cho cá nhân tôi.

Tôi có vay 50 triệu của anh D từ tháng 12/2021 và sau đó đến tháng 03/2022 vay thêm với số tiền 50 triệu đồng sau nữa là 100 triệu đồng. Lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng. Đối với số tiền nợ vay tôi có đóng lãi được 6-7 tháng không nhớ cụ thể, mỗi tháng 6 triệu. Tôi có chuyển khoản được 3-4 lần gì đó, không nhớ rõ và 04 lần trả tiền mặt không có ký nhận giữa hai bên, cùng không có ai chứng kiến. Tôi vay tiền của ông D để cho người khác vay tiền góp do tôi làm ăn riêng, không liên quan đến gia đình.

Tại phiên tòa ông Dương Nguyễn Chiêu C có ý kiến:

Ông C chấp nhận còn nợ ông D số tiền nợ mua xe là 34 triệu và tiền nợ vay còn 90 triệu đồng, tổng cộng 124 triệu đồng. Còn tiền lãi ông D khởi kiện bổ sung tôi cũng chấp nhận trả nhưng xin trả sau khi trả hết tiền gốc. Ông xin thời gian sau 03 tháng nữa sẽ trả vì khi đó ông mới khỏi bệnh, mới làm có tiền để trả nợ.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Sâm Chung D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại thành phố Rạch Giá tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo các Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

* Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ vay hiện tại 90.000.000 đồng, đã được bị đơn thừa nhận tại tòa là ông C có vay của ông D 02 lần tiền, sau đó có trả được 10.000.000 đồng và hiện còn nợ 90.000.000 đồng đúng như khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo cam kết nên ông D khởi kiện yêu cầu tất toán nợ là phù hợp. Xét thấy, hai bên đã tự nguyện xác lập giao dịch, nội dung không trái pháp luật nên ông C đã nhận tiền bằng giao dịch vay tài sản, thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật cho ông D theo quy định tại Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu tính lãi tiền vay của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: lần vay thứ nhất vay 50.000.000 đồng vào ngày 06/2/2022 biên nhận có ghi “*trong vòng 03 tháng báo trước lấy gốc*”; lần vay thứ hai vào ngày 06/3/2022 hai bên không ghi thời hạn trả nợ. Lãi suất thỏa thuận hai bên khai thống nhất là 6%/tháng (có hơn quy định pháp luật), tuy nhiên ông C không có chứng cứ chứng minh việc đóng lãi của mình nên HĐXX không có cơ sở để tính lại tiền lãi đã đóng cho ông C. Nay nguyên đơn yêu cầu tính theo lãi suất 20%/năm là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Về thời gian tính lãi nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 06/3/2022 và số tiền 10.000.000 đồng bị đơn đã trả nguyên đơn khấu trừ vào nợ gốc, là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận. Tiền lãi được tính: 90.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 24 tháng 23 ngày = 37.150.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay tài sản ông C có trách nhiệm trả ông D là: 127.150.000 đồng.

* Đối với hợp đồng mua bán xe giữa hai bên và số tiền nợ mua xe theo khởi kiện của nguyên đơn: Về giá mua bán xe nguyên đơn và bị đơn khai không thống nhất, nguyên đơn khai giá bán xe là 40 triệu đồng, bị đơn khai giá là 43 triệu đồng, xét thấy, trong nội dung “Giấy mua bán xe trả góp” có ghi giá mua bán là 40 triệu đồng phù hợp

với lời khai của nguyên đơn. Đối với số tiền đã góp nguyên đơn chỉ thừa nhận ông C góp được 6 triệu đồng, bị đơn cho rằng đã góp được 18 triệu đồng nhưng không nhớ chính xác và cũng không có chứng cứ chứng minh cụ thể nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của bị đơn. Nguyên đơn tự nguyện trừ 6 triệu đồng vào tiền mua xe và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn lại là 34 triệu và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17/01/2024 là phù hợp nên HĐXX thống nhất chấp nhận. Do vậy, căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng mua bán tài sản và yêu cầu tính lãi chậm trả. Buộc ông C có trách nhiệm trả số tiền nợ mua xe còn thiếu là 34 triệu đồng + tiền lãi chậm trả là $(34.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ tháng} 12 \text{ ngày (tính từ ngày 17/01/2024 đến 29/03/2024)}) = 6.545.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền nợ mua xe ông C phải trả cho ông D là 40.545.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ vay và nợ mua bán xe ông Dương Nguyễn Chiêu C có trách nhiệm trả ông Sâm Chung D là 167.695.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ D của bị đơn, nguyên đơn không chấp nhận. Xét thấy, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án,

Ông Dương Nguyễn Chiêu C phải nộp án phí là: $167.695.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.384.750 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho ông Sâm Chung D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.100.000 đồng theo biên lai thu số 0002508 ngày 27/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463; Điều 466; 468; 430; 440; 457 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sâm Chung D đối với bị đơn ông Dương Nguyễn Chiêu C.

Buộc ông Dương Nguyễn Chiêu C trả ông Sâm Chung D số tiền nợ mua xe gốc và lãi là 40.545.000 đồng và trả số tiền nợ vay gốc và lãi là 127.150.000 đồng, tổng cộng 02 khoản là 167.695.000 đồng. Thực hiện khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện trả nợ thì còn phải chịu mức tiền lãi chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả dứt số nợ.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Dương Nguyễn Chiêu C phải nộp án phí là: 8.384.750 đồng.

Hoàn trả cho ông Sâm Chung D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.100.000 đồng theo biên lai thu số 0002508 ngày 27/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

* Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-3-2024).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA